

## ĐIỀU TRA HIỆN TRẠNG KHU HỆ CÁ SÔNG SÀI GÒN

TỔNG XUÂN TÁM\*

### 1. MỞ ĐẦU

Ngày nay, sông Sài Gòn đang ngày càng bị ô nhiễm nặng, là nơi phải gánh chịu nhiều chất thải từ các khu công nghiệp lân cận và các hộ dân hai ven sông. Mặt khác, trong những năm gần đây, nguồn lợi cá đang bị khai thác một cách triệt để. Khai thác quanh năm với cường độ cao và bằng mọi hình thức mang tính chất hủy diệt. Tất cả những điều này đã và đang làm ảnh hưởng tới thành phần và số lượng các loài cá thuộc khu hệ này. Cho nên rất nhiều loài cá thuộc lưu vực sông Sài Gòn đang bị đe dọa và một số có nguy cơ tuyệt chủng, từ đó sẽ dẫn đến sự mất cân bằng sinh thái trên sông.

Đã hơn hai mươi năm, chưa có một công trình nghiên cứu của tác giả nào nghiên cứu về thành phần các loài cá thuộc lưu vực sông Sài Gòn. Chính vì thế, chúng tôi nhận thấy rằng cần phải nghiên cứu lại khu hệ cá ở nơi đây nhằm đánh giá đúng hiện trạng số lượng, thành phần và sự phân bố của các loài cá, để so sánh với những công trình trước đó xem môi trường sống bị ô nhiễm và cách đánh bắt không khoa học đã ảnh hưởng đến các thành phần cá như thế nào. Những loài cá nào đang bị đe dọa và có nguy cơ tuyệt chủng.

Từ đó, đề tài nghiên cứu góp phần bổ sung những dẫn liệu cho bộ "Sách đỏ Việt Nam", "Động vật chí Việt Nam", cung cấp các mẫu vật dùng trong giảng dạy bộ môn "Động vật có xương sống". Đồng thời, việc nghiên cứu này, còn góp phần đề xuất những biện pháp khai thác hợp lý, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững nguồn lợi cá.

Đây là những lý do mà chúng tôi tiến hành đề tài: *"Điều tra hiện trạng khu hệ cá sông Sài Gòn"*.

---

\* Thạc sĩ Khoa Sinh Trường ĐHSB Tp.HCM.

## 2. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI VÙNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đặc điểm tự nhiên vùng nghiên cứu

#### 2.1.1. Vị trí địa lý

Sông Sài Gòn nằm ở vùng Đông Nam Bộ, thuộc các tỉnh Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương và TP.HCM. Tọa độ địa lý từ  $10^{\circ}57'08''$  đến  $11^{\circ}46'36''$  vĩ độ Bắc và từ  $160^{\circ}01'25''$  đến  $107^{\circ}01'10''$  kinh độ Đông.

#### 2.1.2. Đặc điểm địa hình

Phần thượng lưu của sông, có nhiều rừng núi. Phần trung lưu của sông, phổ biến là những dãy đồi phù sa cổ nối tiếp nhau với độ dốc không quá  $3 - 10^{\circ}$ . Phần hạ lưu, có nhiều sông ngòi và kênh rạch.

#### 2.1.3. Đặc điểm khí hậu

Nhiệt độ trung bình năm  $25,5^{\circ}\text{C} - 26,8^{\circ}\text{C}$ . Lượng mưa trung bình năm ở lưu vực sông Sài Gòn là 2.000 - 2.600mm với số ngày mưa là 140 - 170 ngày. Mưa phân bố khá đồng đều từ tháng 05 đến tháng 10, 11. Mùa khô kéo dài từ 5 - 6 tháng, bắt đầu từ tháng 11 hoặc tháng 12 và kết thúc vào cuối tháng 04.

#### 2.1.4. Đặc điểm thủy văn sông Sài Gòn

Sông Sài Gòn thuộc hệ thống sông Đồng Nai, dài 256km, diện tích lưu vực  $5.560\text{km}^2$ . Ở thượng lưu sông Sài Gòn, có hồ Dầu Tiếng với dung tích hữu hiệu khoảng 1,45 - 1,5 tỉ  $\text{m}^3$ , diện tích mặt nước là 2.700ha.

Lưu lượng nước trên sông Sài Gòn bình quân  $85\text{m}^3/\text{s}$ , độ dốc của sông nhỏ chỉ 0,7% nên nó có nhiều giá trị về vận tải, thủy sản và du lịch sinh thái.

Theo đánh giá của sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Đồng Nai năm 1998, chất lượng nước sông Sài Gòn không đạt tiêu chuẩn nguồn nước loại A (theo tiêu chuẩn VN - 1995).

Nhìn chung, nước sông Sài Gòn đang ngày càng bị ô nhiễm do các chất thải công nghiệp, đặc biệt là ở phía hạ lưu của sông. Đó có thể là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến sự biến động của các loài cá trên sông.

### 2.2. Đặc điểm xã hội và nhân văn vùng nghiên cứu

#### 2.2.1. Đơn vị hành chính và đặc điểm dân số

Khu vực nghiên cứu gồm 4 tỉnh: Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương và TP. Hồ Chí Minh với tổng diện tích là  $15.674,6\text{ km}^2$ , có 7.422.700 người (năm 1999) gồm dân tộc Kinh, Chăm, Khmer, Stiêng, M'ông, Hoa, Tày...

Mật độ dân số: Tây Ninh 240 người/ $\text{km}^2$ , Bình Phước 96 người/ $\text{km}^2$ , Bình Dương 267 người/ $\text{km}^2$  và thành phố Hồ Chí Minh 2.422 người/ $\text{km}^2$ .

### 2.2.2. Đặc điểm kinh tế, văn hóa- xã hội

Mặc dù ở thượng lưu sông Sài Gòn mật độ dân số rất thấp nhưng cuộc sống của người dân đa phần còn gặp nhiều khó khăn. Họ sống chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp và đánh bắt thủy sản trên các sông, hồ.

Ở trung lưu và hạ lưu của sông, mật độ dân cư sống trong thành phố rất cao. Đời sống văn hóa cao. Các ngành công nghiệp nặng và nhẹ được phát triển.

## 3. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 3.1. Thời gian nghiên cứu

+ Từ tháng 07/2003 - 10/2004: Thu thập tài liệu, điều tra, khảo sát, thu mẫu ngoài thực địa, phỏng vấn ngư dân, nhân dân địa phương, đo độ mặn của nước và phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm.

+ Cụ thể các đợt thu mẫu như sau:

- Đợt 1: Từ tháng 07/2003 đến tháng 08/2003 (mùa mưa).
- Đợt 2: Từ tháng 03/2004 đến tháng 04/2004 (mùa khô).
- Đợt 3: Từ tháng 06/2004 đến tháng 09/2004 (mùa mưa).

Ngoài ra, chúng tôi còn nhờ thu mẫu ở các địa điểm và thời gian khác.

### 3.2. Địa điểm nghiên cứu

Chúng tôi thu mẫu tại 31 địa điểm thuộc lưu vực sông Sài Gòn gồm 4 tỉnh: Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương và TP.HCM với 674 tiêu bản cá, ở 49 họ (bản đồ 1).



Bản đồ 1 : Địa điểm nghiên cứu

**3.3. Phương pháp nghiên cứu**

**3.3.1. Phương pháp nghiên cứu ngoài thực địa**

- + Thu mẫu cá được tiến hành ở nhiều địa điểm và thời gian khác nhau.
- + Tiến hành đánh bắt cá với nhiều hình thức và phương tiện khác nhau.
- + Thuê các ngư dân và nhân dân địa phương thu thập mẫu cá.
- + Phỏng vấn ngư dân và nhân dân khác trong vùng để nắm được những thông tin liên quan đến khu hệ cá ở khu vực nghiên cứu (KVNC).
- + Mẫu được bảo quản trong dung dịch formalin 5% để làm bộ sưu tập cá cho phòng thí nghiệm Động vật, khoa Sinh - Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

**3.3.2. Phương pháp nghiên cứu trong phòng thí nghiệm**

- + Phân tích các số liệu hình thái theo Rainboth (1996).
- + Xác định tên loài khoa học chính xác và sắp xếp các loài trong hệ thống phân loại của William N. Eschmeyer (1998).

**3.3.3. Một số phương pháp nghiên cứu khác**

- + Phương pháp chuyên gia.
- + Phương pháp xử lý số liệu.

**4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN**

**4.1. Thành phần loài cá thuộc lưu vực sông Sài Gòn (bảng 1)**

*Bảng 1: Danh sách các loài cá, nguồn gốc và sự phân bố của chúng thuộc khu hệ cá ở lưu vực sông Sài Gòn*

TT	Tên phổ thông	Tên khoa học	Nguồn gốc	
			NM	NN
	<b>BỘ CÁ THẤT LÁT</b>	<b>OSTEOGLOSSIFORMES</b>		
	<b>HỌ CÁ THẤT LÁT</b>	<b>NOTOPTERIDAE</b>		
01	Cá Thất lát	<i>Notopterus notopterus</i> (Pallas)		+
02	Cá Thất lát (?)	<i>Chitala lopis</i> (Bleeker)		+
	<b>BỘ CÁ TRÍCH</b>	<b>CLUPEIFORMES</b>		
	<b>HỌ CÁ TRÍCH</b>	<b>CLUPEIDAE</b>		
	<b>Phân họ cá Mòi</b>	<b>Dorosomatinae</b>		
03	Cá Mòi không răng	<i>Anodontostoma chacunda</i> (B.&H.)	+	
04	Cá Cơm sông	<i>Corica sorbona</i> (Hamilton)	+	
05	Cá Cơm trích	<i>Clupeoides borneensis</i> Bleeker	+	
	<b>HỌ CÁ TRÔNG</b>	<b>ENGRAULIDAE</b>		
06	Cá Lẹp vàng	<i>Setipinna taty</i> (C.&V.)	+	
	<b>BỘ CÁ CHÉP</b>	<b>CYPRINIFORMES</b>		
	<b>HỌ CÁ CHÉP</b>	<b>CYPRINIDAE</b>		

	<b>Phân họ Lòng tong</b>	<b>Danioninae</b>	
07	Cá Lòng tong gót	<i>Esomus longimanus</i> (Lacep)	+
08	Cá Lòng tong sắt	<i>E. metallicus</i> Ahl.	+
09	Cá Lòng tong mương	<i>Luciosoma bleekeri</i> Steindachner	+
10	Cá Lòng tong đá	<i>Rasbora argyrotaenia</i> Bleeker	+
11	Cá Lòng tong mai	<i>R. myersi</i> Brittan	+
12	Cá Lòng tong vách	<i>R. sumatrana</i> (Bleeker)	+
13	Cá Lòng tong sọc	<i>R. trilineata</i> Steindachner	+
14	Cá Lòng tong lưng thấp	<i>R. retrodorsalis</i> Smith	+
15	Cá Lòng tong đuôi vàng	<i>R. aurotaenia</i> Tirant	+
16	Cá Lòng tong (?)	<i>R. sp.</i> ▲	+
	<b>Phân họ cá Trám</b>	<b>Leuciscinae</b>	
17	Cá Trám đen	<i>Mylopharyngodon piceus</i> (Rich.) *	+
18	Cá Trám cỏ	<i>Ctenopharyngodon idellus</i> (C.&V.) *	+
	<b>Phân họ cá Mương</b>	<b>Cultrinae</b>	
19	Cá Lá tre	<i>Parachela oxygastroides</i> (Bleeker)	+
20	Cá Thiểu nam	<i>Paralaubuca barroni</i> Bleeker	+
	<b>Phân họ cá Mè</b>	<b>Hypophthalmichthyinae</b>	
21	Cá Mè trắng Hoa Nam	<i>Hypophthalmichthys molitrix</i> (C.&V)	+
22	Cá Mè hoa	<i>Aristichthys nobilis</i> (Richardson) *	+
	<b>Phân họ cá Bống</b>	<b>Barbinae</b>	
23	Cá Ngựa nam	<i>Hampala macrolepidota</i> Van Hass. ★	+
24	Cá Ngựa chàm	<i>H. dispar</i> Smith ★	+
25	Cá Học trò	<i>Balantiocheilus melanopterus</i> (Ble.)	+
26	Cá Cóc đâm	<i>Cyclocheilichthys apogon</i> (Val.)	+
27	Cá Dâm	<i>Puntius brevis</i> (Bleeker)	+
28	Cá Mè vinh	<i>Barbodes gonionotus</i> (Bleeker)	+
29	Cá He đỏ	<i>B. altus</i> (Günther)	+
30	Cá He Vàng	<i>B. schwanefeldii</i> (Bleeker)	+
31	Cá Mè vinh giả	<i>Hypsibarbus wetmorei</i> (Smith)	+
32	Cá Trời gai	<i>Varicorhinus sp.</i>	+
33	Cá Dành giả	<i>Scaphognathops stejnegeri</i> (Smith)	+
	<b>Phân họ cá Trời</b>	<b>Laboninae</b>	
34	Cá Linh rìa sọc	<i>Dangila lineata</i> (Sauvage)	+
35	Cá Linh rây	<i>D. cuvieri</i> Valenciennes	+
36	Cá Linh rìa	<i>D. spilopleura</i> (Smith)	+
37	Cá Trời Ấn Độ	<i>Labeo rohita</i> (Hamilton) *	+
38	Cá Trời (?)	<i>L. sp.</i> ▲	+
39	Cá Linh ống (?)	<i>Henicorhynchus sp.</i> ▲	+
40	Cá Mrigan	<i>Cirrhina mrigala</i> (Hamilton) *	+
41	Cá Lúi sọc	<i>Osteochilus microcephalus</i> (Val.)	+
42	Cá Mè lúi	<i>O. hasseltii</i> (Cuvier & Valenciennes)	+
43	Cá Mè hời	<i>O. melanopleurus</i> (Bleeker)	+
	<b>Phân họ cá Chép</b>	<b>Cyprininae</b>	
44	Cá Dành Nam Bộ	<i>Puntius proctozysron</i> (Bleeker)	+
45	Cá Chép	<i>Cyprinus carpio</i> Linnaeus *	+

	<b>HỌ CÁ CHẠCH</b>	<b>COBITIDAE</b>	
	<b>Phân họ cá Chạch cát</b>	<b>Botinae</b>	
46	Cá Heo rê	<i>Botia horae</i> Smith	+
47	Cá Heo vach	<i>B. modesta</i> Bleeker	+
48	Cá Khoai sông	<i>Acanthopsis choirorhynchos</i> (Bleek.)	+
49	Cá Heo gai	<i>Leptidocephalus taeniatus</i> Fowler	+
50	Cá Heo râu	<i>L. octocirrhus</i> Van Hasselt	+
51	Cá Heo gai mắt	<i>Acanthophthalmus kuhlii</i> (C.&V.)	+
	<b>BỘ CÁ CHIM NN</b>	<b>CHARACIFORMES</b>	
	<b>HỌ CÁ CHIM NN</b>	<b>CHARACIDAE</b>	
52	Cá Chim trắng nước ngọt	<i>Colnoma branchyomun</i> (Cuvier) *	+
	<b>BỘ CÁ NHEO</b>	<b>SILURIFORMES</b>	
	<b>HỌ CÁ LĂNG</b>	<b>BAGRIDAE</b>	
53	Cá Chốt bông	<i>Leiocassis siamensis</i> Regan	+
54	Cá Chốt cờ	<i>Bagrichthys macropterus</i> (Bleeker)	+
55	Cá Chốt chuột	<i>B. macracanthus</i> (Bleeker)	+
56	Cá Lăng vàng	<i>Mystus wolffii</i> (Bleeker) ★	+
57	Cá Chốt (?)	<i>M. micracanthus</i> (Bleeker)	+
58	Cá Chốt	<i>M. gullo</i> (Hamilton)	+
59	Cá Chốt sọc	<i>M. vittatus</i> (Bloch)	+
60	Cá Lăng nha	<i>M. nemurus</i> (Cuvier&Valenciennes)	+
61	Cá Lăng ki	<i>M. wyckii</i> (Bleeker)	+
62	Cá Chốt vach	<i>M. rhegma</i> Fowler	+
63	Cá Chốt ngựa	<i>M. cavasius</i> (Hamilton)	+
64	Cá Chốt ngựa (?)	<i>M. singaringan</i> (Bleeker)	+
	<b>HỌ CÁ NHEO</b>	<b>SILURIFORMES</b>	
65	Cá Leo (?)	<i>Wallago leeri</i> (Bleeker)	+
66	Cá Trên bần	<i>Ompok bimaculatus</i> (Bloch)	+
67	Cá Trên đá	<i>Kryptopterus kryptopterus</i> (Bleeker)	+
68	Cá Trên mỏng	<i>K. bicirrhis</i> (Cuvier&Valenciennes)	+
	<b>HỌ CÁ TRA</b>	<b>PANGASIIDAE</b>	
69	Cá Tra yêu	<i>Pangasius sutchi</i> Fowler	+
70	Cá Hú	<i>P. nasutus</i> (Bleeker)	+
71	Cá Dứa	<i>P. polyuranodon</i> Bleeker	+
72	Cá Basa	<i>P. pangasius</i> (Hamilton)	+
73	Cá Bông lau	<i>P. taeniurus</i> Fowler ★	+
74	Cá Tra nuôi	<i>P. micronemus</i> Bleeker	+
75	Cá Tra (?)	<i>P. sp.</i> ▲	+
76	Cá Sát bay	<i>Pteropangasius cultratus</i> (Smith)	+
	<b>HỌ CÁ TRÈ</b>	<b>CLARIIDAE</b>	
77	Cá Trê phi	<i>Clarias gariepinus</i> (Burchell) *	+
78	Cá Trê đen	<i>C. fuscus</i> (Lacépède)	+
79	Cá Trê trắng	<i>C. batrachus</i> (Linnaeus)	+
80	Cá Trê vàng	<i>C. macrocephalus</i> (Günther)	+

81	Cá Trê da đen	<i>C. meladerma</i> Bleeker		+
	<b>HỌ CÁ ÚC</b>	<b>ARIIDAE</b>		
82	Cá Úc ihep	<i>Osteogeneiosus militaris</i> Bleeker	+	
	<b>HỌ CÁ NGÁT</b>	<b>PLOTOSIDAE</b>		
83	Cá Ngát nam	<i>Plotosus canius</i> (Hamilton)	+	
	<b>HỌ CÁ LAU KÍNH</b>	<b>LORICARIIDAE</b>		
	<b>Phân họ cá Lau kính</b>	<b>Hypostominae</b>		
84	Cá Lau kính	<i>Hypostomus punctatus</i> Val.*		+
	<b>BỘ CÁ CỐC</b>	<b>BATRACHOIDIFORMES</b>		
	<b>HỌ CÁ CỐC</b>	<b>BATRACHOIDIDAE</b>		
85	Cá Mũi quỷ	<i>Allentetrachus grunniens</i> (Linnaeus)	+	
	<b>BỘ CÁ SỐC</b>	<b>CYPRINODONTIFORMES</b>		
	<b>HỌ CÁ SỐC</b>	<b>APLOCHEILIDAE</b>		
86	Cá Bạc đầu	<i>Aplocheilus panchax</i> (Hamilton)		+
	<b>HỌ CÁ ẪN MUỖI</b>	<b>POECILIIDAE</b>		
87	Cá Ẫn muỗi	<i>Gambusia affinis</i> (Gaird & Birard)		+
	<b>BỘ CÁ NHÁI</b>	<b>BELONIFORMES</b>		
	<b>HỌ CÁ NHÁI</b>	<b>BELONIDAE</b>		
88	Cá Nhái đuôi chám	<i>Strongylura strongylura</i> (Van Hass.)	+	
89	Cá Nhái (?)	<i>Xenentodon cancela</i> (Hamilton)	+	
90	Cá Nhái	<i>X. canceloides</i> (Bleeker)	+	
	<b>HỌ CÁ LÌM KÌM</b>	<b>HEMIRAMPHIDAE</b>		
91	Cá Lìm kim sông	<i>Zenarchopterus ectuntio</i> (Hamilton)		+
	<b>BỘ CÁ MANG LIỀN</b>	<b>SYNBRANCHIFORMES</b>		
	<b>PHÂN BỘ MANG LIỀN</b>	<b>SYNBRANCHOIDEI</b>		
	<b>HỌ LƯƠN</b>	<b>SYNBRANCHIDAE</b>		
92	Lươn đồng	<i>Fluta alba</i> (Zuiew)		+
	<b>PHÂN BỘ CHẠCH SÔNG</b>	<b>MASTACEMBELOIDEI</b>		
	<b>HỌ CÁ CHẠCH SÔNG</b>	<b>MASTACEMBELIDAE</b>		
93	Cá Chạch lá tre	<i>Macrognathus siamensis</i> (Günther)		+
94	Cá Chạch bông	<i>Mastacembelus favus</i> Hora		+
95	Cá Chạch khoang	<i>M. circumcinctus</i> Hora		+
	<b>BỘ CÁ VƯỚC</b>	<b>PERCIFORMES</b>		
	<b>PHÂN BỘ CÁ VƯỚC</b>	<b>PERCOIDEI</b>		
	<b>HỌ CÁ CHÈM</b>	<b>CENTROPOMIDAE</b>		
96	Cá Chêm	<i>Lates calcarifer</i> (Bloch)	+	
	<b>HỌ CÁ SƠN</b>	<b>AMBASSIDAE</b>		
97	Cá Sơn xương	<i>Ambassis gymnocephalus</i> (Lacépède)		+
98	Cá Sơn bầu	<i>Parambassis wolffii</i> (Bleeker)		+



99	Cá Sơn xiêm (cá Sơn giển)	<i>P. ranga</i> (Hamilton)		+
	<b>HỌ CÁ MÚ</b>	<b>SERRANIDAE</b>		
100	Cá Mú chấm to	<i>Epinephalus areolatus</i> (Forsk.)	+	
	<b>HỌ CÁ CĂNG</b>	<b>THERAPONIDAE</b>		
101	Cá Căng	<i>Therapon jarbua</i> (Forsk.)	+	
	<b>HỌ CÁ ĐỤC</b>	<b>SILLAGINIDAE</b>		
102	Cá Đục siha	<i>Sillago sihama</i> (Forsk.)	+	
	<b>HỌ CÁ KHẾ</b>	<b>CARANGIDAE</b>		
103	Cá Khế	<i>Caranx malabaricus</i> (C.&V.)	+	
104	Cá Chỉ vàng	<i>Selaroides leptolepis</i> Cuvier	+	
	<b>HỌ CÁ LIỆT</b>	<b>LEIOGNATHIDAE</b>		
105	Cá Liệt vân lưng	<i>Secutor ruconius</i> (Hamilton)	+	
	<b>HỌ CÁ HỒNG</b>	<b>LUTIANIDAE</b>		
106	Cá Hanh	<i>Lutianus erythropterus</i> Bloch	+	
	<b>HỌ CÁ HƯƠNG</b>	<b>COIIDAE</b>		
107	Cá Hương vèn	<i>Coius quadrifasciatus</i> (Sevastian.)*		+
	<b>HỌ CÁ MÓM</b>	<b>GERRIDAE</b>		
108	Cá Móm gai ngắn	<i>Gerres lucidus</i> Cuvier	+	
	<b>HỌ CÁ SẠO</b>	<b>HAEMULIDAE</b>		
109	Cá Sạo chấm	<i>Pomadasys maculatus</i> (Bloch)	+	
	<b>HỌ CÁ NHỰ</b>	<b>POLYNEMIDAE</b>		
110	Cá Chết (Cá Ết)	<i>Eleutheronema tetradactyla</i> (Shaw)	+	
111	Cá Phèn vàng	<i>Polynemus paradiseus</i> Linnaeus	+	
112	Cá Phèn trắng	<i>P. longipectoralis</i> Weber&Beaufort	+	
	<b>HỌ CÁ ĐÙ</b>	<b>SCIAENIDAE</b>		
113	Cá Đù đen	<i>Johnius belegerii</i> (C.&V.)	+	
	<b>HỌ CÁ MANG RỔ</b>	<b>TOXOTOIDAE</b>		
114	Cá Mang rổ	<i>Toxotes chatareus</i> (Hamilton) *		+
	<b>HỌ CÁ RÔ BIỂN</b>	<b>PRISTOLEPIDIDAE</b>		
115	Cá Rô biển	<i>Pristolepis fasciatus</i> (Blecker)		+
	<b>PHÂN BỘ CÁ ĐỐI</b>	<b>MUGILOIDEI</b>		
	<b>HỌ CÁ NHÔNG</b>	<b>SPHYRAENIDAE</b>		
116	Cá Nhông vằn	<i>Sphyraena jello</i> (C.&V.)	+	
	<b>HỌ CÁ ĐỐI</b>	<b>MUGILIDAE</b>		
117	Cá Đối mực	<i>Mugil cephalus</i> Linnaeus	+	
118	Cá Đối đất	<i>Liza dussumieri</i> Valenciennes	+	
	<b>PHÂN BỘ CÁ RÔ PHI</b>	<b>LABROIDEI</b>		
	<b>HỌ CÁ RÔ PHI</b>	<b>CICHLIDAE</b>		
119	Cá Rô phi vằn	<i>Oreochromis niloticus</i> (Linnaeus)*		+
120	Cá Điều hồng	<i>O. sp.</i> ▲		+

	<b>PHÂN BỘ CÁ BỔNG</b>	<b>GOBIOIDEI</b>		
	<b>HỌ CÁ BỔNG ĐEN</b>	<b>ELEOTRIDAE</b>		
121	Cá Bống cau	<i>Butis butis</i> (Hamilton&Buchanan)	+	
122	Cá Bống tượng (?)	<i>Oxyeleotris</i> sp. ▲		+
123	Cá Bống đũa 1	<i>O. siamensis</i> (Günther)		+
	<b>HỌ CÁ BỔNG TRẮNG</b>	<b>GOBIIDAE</b>		
	<b>Phân họ cá Bống trắng</b>	<b>Gobiinae</b>		
124	Cá Bống máu mắt	<i>Glossogobius biocellatus</i> (Val.)	+	
125	Cá Bống chấm gáy	<i>G. fasciato-punctatus</i> (Richardson)	+	
126	Cá Bống cát tối	<i>G. giuris</i> (Hamilton)	+	
127	Cá Bống cát trắng	<i>G. sparsipapillus</i> Akihito&Meguro	+	
	<b>Phân họ cá Bống đá</b>	<b>Gobionellinae</b>		
128	Cá Bống trứng	<i>Pseudogobioptis oligactis</i> (Bleeker)		+
129	Cá Bống mít	<i>Stigmatogobius sadanundio</i> Hamilton		+
	<b>Phân họ cá Bống kèo</b>	<b>Oxudercinae</b>		
130	Cá Bống kèo 1	<i>Pseudapocryptes lanceolatus</i> B.&S.	+	
131	Cá Bống kèo 2	<i>P. borneensis</i> (Bleeker)	+	
132	Cá Thòi lòi	<i>Periophthalmodon schloseri</i> (Pallas)	+	
	<b>PHÂN BỘ CÁ ĐUÔI GAI</b>	<b>ACANTHUROIDEI</b>		
	<b>HỌ CÁ NÂU</b>	<b>SCATOPHAGIDAE</b>		
133	Cá Nâu	<i>Scatophagus argus</i> (Linnaeus)	+	
	<b>PHÂN BỘ CÁ RÔ ĐỒNG</b>	<b>ANABANTOIDEI</b>		
	<b>HỌ CÁ RÔ ĐỒNG</b>	<b>ANABANTIDAE</b>		
134	Cá Rô đồng	<i>Anabas testudineus</i> (Bloch)		+
	<b>HỌ CÁ MÙI</b>	<b>HELOSTOMATIDAE</b>		
135	Cá Mũi	<i>Helostoma temminckii</i> Cuvier *		+
	<b>HỌ CÁ SẮC</b>	<b>BELONTIDAE</b>		
136	Cá Bã trâu	<i>Trichopsis vittatus</i> (Cuvier)		+
137	Cá Thia xiêm	<i>Betta splendens</i> Regan		+
138	Cá Sắc điệp	<i>Trichogaster microlepis</i> (Günther)		+
139	Cá Sắc bướm	<i>T. trichopterus</i> (Pallas)		+
140	Cá Sắc rần	<i>T. pectoralis</i> Regan ★		+
	<b>HỌ CÁ TAI TƯỢNG</b>	<b>OSPHRONEMIDAE</b>		
141	Cá Tai tượng	<i>Osphronemus gouramy</i> Lacépède*		+
	<b>PHÂN BỘ CÁ QUẢ</b>	<b>CHANNOIDEI</b>		
	<b>HỌ CÁ QUẢ</b>	<b>CHANNIDAE</b>		
142	Cá Lóc bống	<i>Channa micropeltes</i> C.&V. ★		+
143	Cá Lóc	<i>C. striata</i> (Bloch)		+
144	Cá Tràu dày	<i>C. lucius</i> (Cuvier)		+
	<b>BỘ CÁ CHAI</b>	<b>SCORPAENIFORMES</b>		

	<b>HỌ CÁ CHAI</b>	<b>PLATYCEPHALIDAE</b>		
145	Cá Chai	<i>Platycephalus indicus</i> Linnaeus	+	
	<b>BỘ CÁ BÓN</b>	<b>PLEURONECTIFORMES</b>		
	<b>PHÂN BỘ CÁ BÓN VỊ</b>	<b>PLEURONECTOIDEI</b>		
	<b>HỌ CÁ BÓN CÁT</b>	<b>CYNOGLOSSIDAE</b>		
146	Cá Lưỡi trâu bơn	<i>Cynoglossus lingua</i> Hamilton	+	
147	Cá Bơn đầu chấm	<i>C. abbreviatus</i> (Gray)	+	
	<b>BỘ CÁ NÓC</b>	<b>TETRAODONTIFORMES</b>		
	<b>HỌ CÁ NÓC</b>	<b>TETRAODONTIDAE</b>		
148	Cá Nóc bầu	<i>Monotretus cucutia</i> (Ham.&Bu.)		+
149	Cá Nóc phương	<i>M. fangi</i> (Pellegrin & Chevey)		+
150	Cá Nóc (?)	<i>Tetraodon suvattii</i> (Sont.&Soonth.)		+
		Tổng số:	38	112

Các ký hiệu ghi trong bảng: + Thể hiện sự có mặt  
 \* Loài có nguồn gốc từ nơi khác nhập cư đến  
 \* Loài có nguy cơ bị tuyệt chủng-giảm sút  
 ▲ Loài có khả năng là loài mới  
 NN: Nước ngọt  
 NM: Nước mặn

## 4.2. Cấu trúc thành phần loài

### 4.2.1. Tính chất đa dạng, phong phú của khu hệ cá ở lưu vực sông Sài Gòn

+ Về bậc bộ: Trong 13 bộ tìm được ở KVNC thì bộ cá Vược (*Perciformes*) có nhiều họ nhất với 26 họ, chiếm 53,2%; tiếp theo đến bộ cá Nheo (*Siluriformes*) với 7 họ, chiếm 14,3%; bộ cá Trích (*Clupeiformes*), bộ cá Chép (*Cypriniformes*), bộ cá Sóc (*Cyprinodontiformes*), bộ cá Nhái (*Beloniformes*), bộ cá Mang liềm (*Synbranchiformes*) mỗi bộ có 2 họ và cùng chiếm 4,1%; còn lại 6 bộ khác mỗi bộ có 1 họ, đều chiếm 2,0%.

+ Về bậc họ: Có 49 họ. Trong đó, họ cá Chép (*Cyprinidae*) nhiều giống nhất với 24 giống, chiếm 24,8%; tiếp đến là họ cá Bống trắng (*Gobiidae*) có 5 giống, chiếm 5,2%; họ cá Chạch (*Cobitidae*) có 4 giống, chiếm 4,2%; các họ cá Trích (*Clupeidae*), họ cá Lăng (*Bagridae*), họ cá Nheo (*Siluridae*), họ cá Sặc (*Belontiidae*), mỗi họ có 3 giống, cùng chiếm 3,2%; các họ cá Thát lát (*Notopteridae*), họ cá Tra (*Pangasiidae*), họ cá Nhái (*Belonidae*), họ cá Chạch sông (*Mastacembelidae*), họ cá Sơn (*Ambassidae*), họ cá Khế (*Carangidae*), họ cá Nhụ (*Polyneimidae*), họ cá Đồi (*Mugiloidae*), họ cá Bống đen (*Eleotridae*), họ cá Nóc (*Tetraodontidae*), mỗi họ có 2 giống, cùng chiếm 2,1%; những họ còn lại, mỗi họ có 1 giống, đều chiếm 1,0%.

+ Về bậc giống: Trong 97 giống cá có 26 giống đa loài; 71 giống đơn loài. Trong đó, giống cá Chốt lằng (*Mystus*) có số loài nhiều nhất với 9 loài; tiếp đến là giống cá Lòng tong suối (*Rasbora*) có 7 loài; giống cá Tra (*Pangasius*) có 6 loài;

giống cá Trê (*Clarias*) có 5 loài; giống cá Bống cát (*Glossogobius*) có 4 loài; 21 giống đa loài còn lại từ 2 - 3 loài.

+ Về bậc loài trong bộ: Trong 150 loài thuộc các bộ khác nhau thì bộ cá Vược (*Perciformes*) có số loài nhiều nhất với 49 loài, chiếm 32,6%; tiếp đến là bộ cá Chép (*Cypriniformes*) có 45 loài, chiếm 30,0%; sau đó là đến bộ cá Nheo (*Siluriformes*) với 32 loài, chiếm 21,3%. Các bộ cá Trích (*Clupeiformes*), bộ cá Nhái (*Beloniformes*) và bộ cá Mang liên (*Synbranchiformes*), mỗi bộ có 4 loài, đều chiếm 2,7%; bộ cá Nóc (*Tetraodontiformes*) có 3 loài, chiếm 2,0%; ba bộ là bộ cá Thất lát (*Osteoglossiformes*), bộ cá Sóc (*Cyprinodontiformes*) và bộ cá Bon (*Pleuronectiformes*), mỗi bộ có 2 loài, cùng chiếm 1,3%, ba bộ còn lại là bộ cá Chim nước ngọt (*Characiformes*), bộ cá Cóc (*Batrachoidiformes*) và bộ cá Chai (*Scorpaeniformes*), mỗi bộ có 1 loài, đều chiếm 0,7%.

#### 4.2.2. Tính chất của khu hệ cá ở lưu vực sông Sài Gòn

+ Có 112 loài cá có nguồn gốc nước ngọt, chiếm 74,7% và 38 loài cá có nguồn gốc nước mặn, chiếm 25,3%, trong đó có nhiều loài cá thích nghi rộng, chúng sống trong môi trường nước mặn nhưng thường di cư vào vùng nước lợ ở cửa sông. Trong số đó phải kể đến là loài cá Cơm trích (*Clupeoides borneensis*), cá Cơm sông (*Corica sorbona*), cá Nhái (?) (*Xenentodon cancila*), cá Nhái (*Xenentodon canceloides*)... Ngược lại, có nhiều loài cá có nguồn gốc nước ngọt nhưng vẫn tồn tại và phát triển ở vùng nước lợ. Đại diện là các loài cá thuộc giống cá Lăng (*Mystus*), giống cá Sơn xương (*Ambassis*), giống cá Sơn nhánh (*Parambassis*)... Chính điều này đã tạo cho khu hệ cá ở lưu vực sông Sài Gòn phong phú về số lượng và đa dạng về thành phần loài. Với kết quả trên cho thấy rằng: khu hệ cá ở lưu vực sông Sài Gòn mang tính chất của khu hệ cá nước ngọt nhưng đồng thời cũng chịu ảnh hưởng bởi nước mặn và nước lợ.

+ Một số loài cá phân bố rộng ở lưu vực sông Sài Gòn mà chúng tôi thường gặp trong quá trình thu mẫu ở các mùa khác nhau với số lượng lớn là loài cá Cơm sông (*Corica sorbona*), cá Cóc đằm (*Cyclocheilichthys apogon*), cá Chốt sọc (*Mystus vittatus*), cá Chạch lá tre (*Macragnathus siamensis*), cá Chạch bông (*Mastacembelus favus*), cá Bống tượng (?) (*Oxyeleotris sp.*), cá Bống dừ (*O. siamensis*), cá Sặc diệp (*Trichogaster microlepis*), cá Sặc bươm (*T. trichopterus*), cá Trê trắng (*Clarias batrachus*), cá Trê vàng (*C. macrocephalus*), cá Lóc (*Channa striata*), cá Rô đồng (*Anabas testudineus*)...

+ Ngoài ra, ở lưu vực sông Sài Gòn cũng có mặt một số loài cá nuôi từ các ao hồ thoát ra sông vào mùa mưa lũ như cá Trắm cỏ (*Ctenopharyngodon idellus*), cá Trắm đen (*Mylopharyngodon piceus*), cá Mè trắng Hoa Nam (*Hyposthalmichthys molitrix*), cá Mè hoa (*Aristichthys nobilis*), cá Trôi Ấn Độ (*Labeo rohita*), cá Chép (*Cyprinus carpio*), cá Chim nước ngọt (*Colnoma branchipomun*), cá Rô phi vàng (*Oreochromis niloticus*), cá Diêu hồng

(*Oreochromis sp.*), cá Tai tượng (*Osphronemus gouramy*), Cá Mùì (*Helostoma temminckii*)...

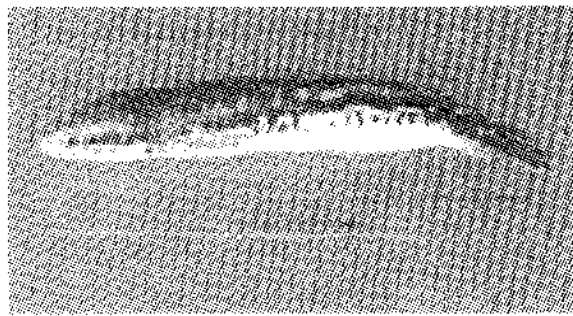
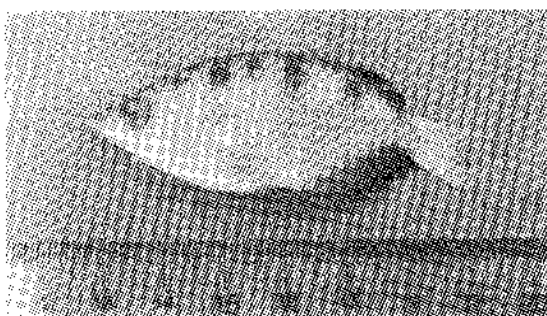
+ Trước đây, loài cá Lau kính (*Hypostomus punctatus*) được người dân thành phố rất thích nuôi chúng trong các bể cá để làm sạch kính nhưng sau đó họ không thích nuôi, thả xuống sông và bây giờ ở lưu vực sông có loài cá này.

+ Lưu vực sông Sài Gòn không có các loài cá đặc trưng của vùng núi cao, thuộc các họ cá Chạch vây bằng (*Balitoridae*), họ cá Chiên (*Sisoridae*), họ cá May (*Gyrinocheilidae*), vì độ dốc sông không đáng kể, nồng độ oxi không cao.

+ Ở lưu vực sông Sài Gòn, có 3 loài cá ghi trong Sách đỏ VN đang trong tình trạng rất đáng lo ngại, cần được bảo vệ ngoài tự nhiên (bảng 2), (hình 1).

Bảng 2: Các loài cá ghi trong Sách đỏ Việt Nam ở KVNC

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Mức độ đe dọa	Tình trạng hiện nay
1	Cá Hường vện	<i>Coius quadrifasciatus</i>	Bậc R	Rất hiếm
2	Cá Mang rổ	<i>Toxotes chatareus</i>	Bậc T	Còn rất ít
3	Cá Lóc bông	<i>Channa micropeltes</i>	Bậc T	Còn ít



1. Cá Mang rổ - *Toxotes chatareus*,  $L_0 = 55\text{mm}$   
(Bậc T)

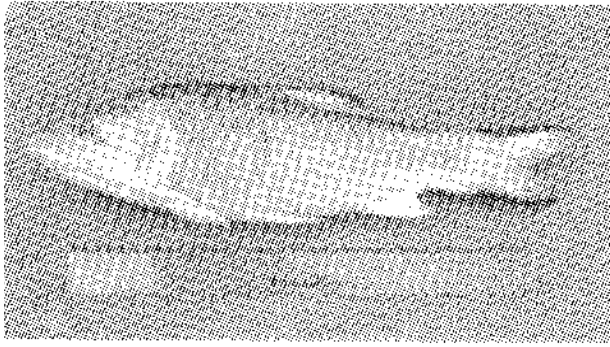
2. Cá Lóc bông - *Channa micropeltes*,  $L_0 = 260\text{mm}$   
(Bậc T)

Hình 1: Các loài cá ghi trong Sách đỏ Việt Nam

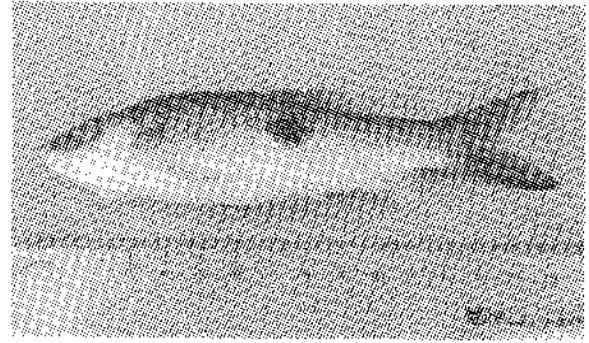
+ 5 loài cá đang giảm sút, có nguy cơ bị tuyệt chủng (bảng 3), (hình 2):

Bảng 3: Tình trạng một số loài cá có nguy cơ giảm sút ở KVNC

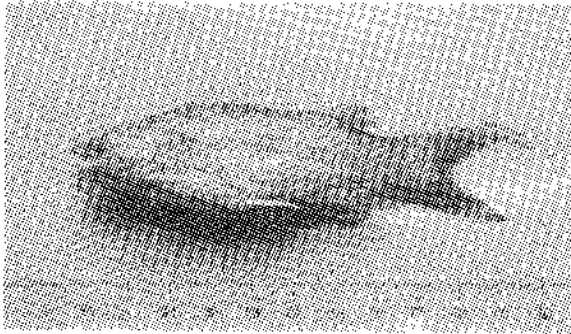
TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Tình trạng hiện nay
1	Cá Ngựa nam	<i>Hampala macrolepidota</i>	Còn ít
2	Cá Ngựa chấm	<i>H. dispar</i>	Còn ít
3	Cá Lãng vàng	<i>Mystus wolffii</i>	Còn rất ít
4	Cá Bông lau	<i>Pangasius taeniurus</i>	Còn rất ít
5	Cá Sặc rằn	<i>Trichogaster pectoralis</i>	Còn tương đối ít



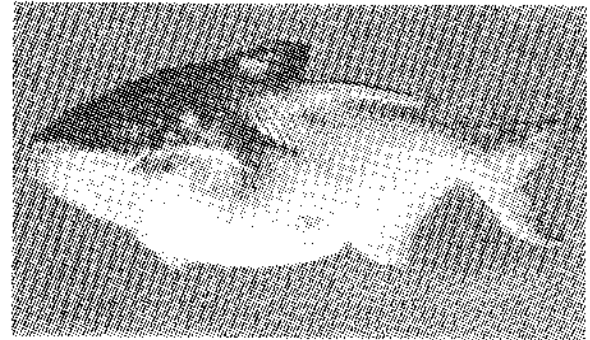
1. Cá Ngựa nam - *Hampala macrolepidota*,  
 $L_0 = 290\text{mm}$



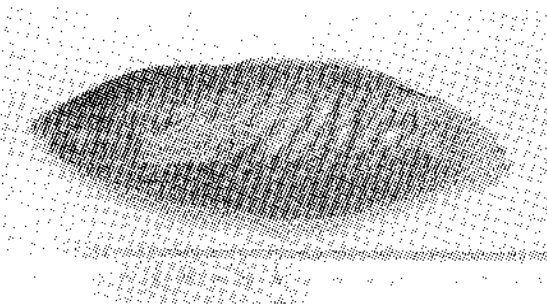
2. Cá Ngựa chấm - *Hampala dispar*,  
 $L_0 = 122\text{mm}$



3. Cá Lãng vàng - *Mystus wolffii*,  
 $L_0 = 85\text{mm}$



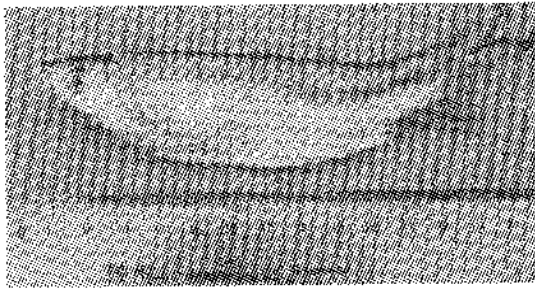
4. Cá Bông lau - *Pangasius taeniurus*,  
 $L_0 = 270\text{mm}$



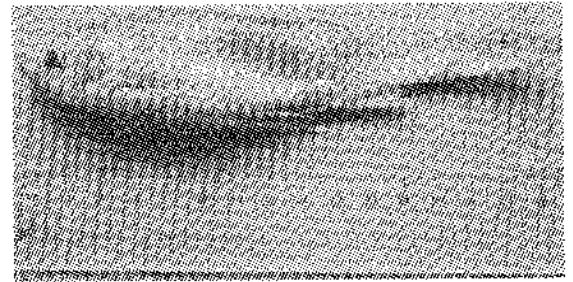
5. Cá Sặc rằn - *Trichopsis pectoralis*,  
 $L_0 = 127\text{mm}$

**Hình 2: 5 loài cá có nguy cơ giảm sút ở KVNC**

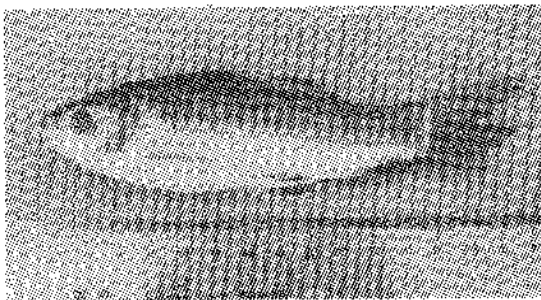
+ Đặc biệt ở lưu vực sông Sài Gòn có 6 loài cá có khả năng là loài mới cho khoa học (hình 3):



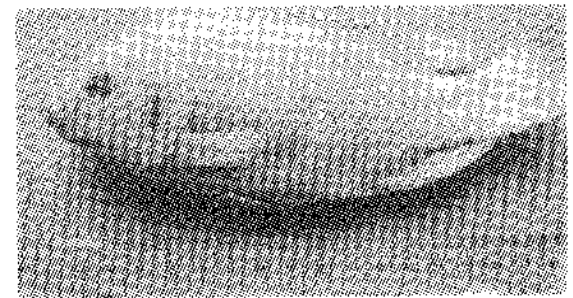
1. Cá Lòng tong (?) - *Rasbora sp.*,  
L<sub>0</sub> = 113mm



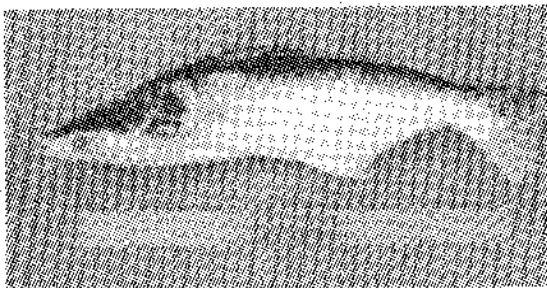
2. Cá Linh ống (?) - *Henicorhynchus sp.*,  
L<sub>0</sub> = 133mm



3. Cá Trời (?) - *Labeo sp.*, L<sub>0</sub> = 122mm



4. Cá Diêu hồng - *Oreochromis sp.*, L<sub>0</sub> = 145mm



5. Cá Tra (?) - *Pangasius sp.*,  
L<sub>0</sub> = 330mm



6. Cá Bống tượng (?) - *Oxyeleotris sp.*,  
L<sub>0</sub> = 177mm

**Hình 3: 6 loài cá có khả năng là loài mới cho khoa học**

+ Có 8 loài cá mà chúng tôi thu được là loài mới cho vùng Nam Bộ (xem hình 4 - Phần phụ lục 1).

+ Ngoài những loài cá nêu trên, chúng tôi còn bổ sung cho khu vực nghiên cứu 16 loài cá mà những tác giả khác trước đây chưa thu được mẫu (xem hình 5 Phần phụ lục 2).

+ Trước đây, ngư dân có thể đánh bắt được loài cá Còm (*Chitala ornata*) với khối lượng đạt 4kg. Nhưng bây giờ, chúng tôi không thu được mẫu mặc dù ngư dân cho biết ở hồ Dầu tiếng có xuất hiện nhưng rất hiếm khi gặp.

+ Một số loài cá ở KVNC mà theo các tác giả nghiên cứu trước đây là có gặp nhưng chúng tôi không thu được mẫu, đó là loài cá Chạch rằn (*Macrognathus taeniagaster*), cá Lích cu (*Pisoodonophis boro*), cá Trèn mỡ (*Kryptopterus moorei*)... Có rất nhiều nguyên nhân: do các loài cá đó không còn tồn tại hoặc còn rất ít nên khó gặp.

## 5. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

### Kết luận:

1. Khu hệ cá ở lưu vực sông Sài Gòn có 150 loài được xếp trong 97 giống, 49 họ và 13 bộ. Trong đó có 6 loài cá chỉ định loại được đến bậc giống, có thể là loài mới cho khoa học. Có 13 loài cá nhập nội, và 8 loài cá có nguy cơ giảm sút, tuyệt chủng, trong đó có 3 loài cá ghi trong Sách đỏ Việt Nam. Như vậy, khu hệ cá ở lưu vực sông Sài Gòn có sự đa dạng về bộ, họ, giống hơn loài.

2. Ở lưu vực sông Sài Gòn có 8 loài cá mới cho vùng Nam Bộ và bổ sung cho KVNC 16 loài cá mới.

3. Lưu vực sông Sài Gòn không có các loài cá đặc trưng ở miền núi cao vì độ dốc của sông không đáng kể.

4. Khu hệ cá ở lưu vực sông Sài Gòn có 112 loài cá có nguồn gốc nước ngọt, chiếm 74,7%; 38 loài có nguồn gốc nước mặn, chiếm 25,3%. Trong đó có nhiều loài cá thích nghi rộng, chúng sống ở vùng nước mặn nhưng thường di cư vào vùng nước lợ ở cửa sông. Như vậy, khu hệ cá ở lưu vực sông Sài Gòn mang tính chất của khu hệ cá nước ngọt nhưng đồng thời cũng chịu ảnh hưởng của nước mặn và nước lợ.

5. Tình hình nguồn lợi cá ở lưu vực sông Sài Gòn đang trên đà giảm sút ở mức đáng báo động. Một số loài quý hiếm như cá Hương vện (*Coius quadrifasciatus*), cá Mang rổ (*Toxotes chatareus*), cá Lóc bông (*Channa micropeltes*), cá Lãng vàng (*Mystus wolffii*), cá Bông lau (*Pangasius taeniurus*)... hiện nay còn rất ít, hiếm khi gặp, cần phải được bảo vệ để tránh trường hợp những loài này bị tuyệt chủng xảy ra ở KVNC.

### Đề nghị:

1. Tiếp tục nghiên cứu và điều tra hiện trạng nguồn lợi cá ở lưu vực sông Sài Gòn, đặc biệt là hồ Dầu Tiếng, nhằm cung cấp các số liệu cơ bản chính xác cho việc xác lập các luận chứng khoa học về việc bảo tồn và phát triển khu hệ cá ở nơi đây.



2. Phải có biện pháp bảo vệ các loài cá ở KVNC được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và những loài cá đang trong tình trạng bị đe dọa, giảm sút để tránh tình trạng các loài cá này bị tuyệt chủng ở lưu vực sông Sài Gòn.

3. Do hiện nay người dân đánh bắt cá không khoa học nên dẫn đến nhiều loài cá ở lưu vực sông Sài Gòn bị giảm sút nghiêm trọng. Vì thế, các cấp, các ngành có thẩm quyền, có liên quan cần tăng cường hữu hiệu các biện pháp quản lý và tích cực tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ nguồn lợi cá đối với người dân ở nơi đây. Nhằm phát triển bền vững khu hệ cá ở lưu vực sông Sài Gòn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng Việt:

1. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (2000), *Sách đỏ Việt Nam, phần Động Vật*, NXB KII & KT, Hà Nội, tr 249 - 326.
2. Nguyễn Văn Hảo (chủ biên), Ngô Sỹ Văn (2001), *Cá nước ngọt Việt Nam, Tập 1: Họ cá Chép (Cyprinidae)*, NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, tr. 107 - 588.
3. Nguyễn Văn Hảo và Võ Văn Bình (2001), *Hệ thống danh lục cá nước ngọt Việt Nam - Dịch và sắp xếp từ nguồn tài liệu của William N. Eschmeyer, 19998, Catalog of fishes*, Academy of Sciences, California, U.S.A, tr.1 - 31.
4. Viện nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản I - Bắc Ninh (2000), *Một số phương pháp nghiên cứu sử dụng trong đánh giá nguồn lợi và nuôi trồng Thủy sản*, tr. 1 - 60.
5. Nguyễn Nhật Thi (1991), *Cá Biển Việt Nam, Cá xương vịnh Bắc Bộ*, NXB KH & KT, Hà Nội, tr. 43 - 343.
6. Mai Đình Yên (chủ biên), Nguyễn Văn Trọng, Nguyễn Văn Thiện, Lê Hoàng Yến, Hứa Bạch Loan (1992), *Định loại các loài cá nước ngọt Nam Bộ*, NXB KII&KT, Hà Nội, 351 tr.
7. Lê Hoàng Yến (1985), "Điều tra Ngư loại sông Sài Gòn", *Kết quả nghiên cứu khoa học kỹ thuật (1981 -1985)*, NXB Nông nghiệp, TP.HCM, tr.74-85.

### Tiếng Anh:

8. Kawamoto and al. (1972), *Illustration of the some freshwater fishes of the Mekong Delta, Vietnam*, p. 2 - 35.
9. Maurice Kottelat (1996), *Fishes of the Nam Theun and Xe bangfai basins*, p. 19, 41 - 43, 54.
10. Rainboth Walter J. (1996), *Fishes of the Cambodian Mekong*, Department of Biology and Microbiology University of Wisconsin Oshkosh, U.S.A, p. 55 - 265.
11. Yasuhiko Taki (1974), *Fishes of the Lao Mekong basin*, United States Agency For International Development Mission To Laos Agriculture Division, p. 68 - 77, 107 - 108.

12. William N. Eschmeyer (1998), *Catalog of fishes*, vol.1, 2, 3, Published by the California Academy of Sciences, U.S.A, p. 2269.

**Trang web:**

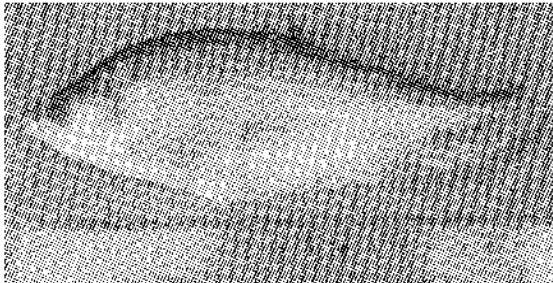
32. <http://www.vietshare.com/quehuong/binhduong.asp>  
 33. <http://www.vietshare.com/quehuong/binhphuoc.asp>  
 34. <http://www.vietshare.com/quehuong/saigon.asp>  
 35. <http://www.vietshare.com/quehuong/tayninh.asp>

**Abstract:**

**Survey on species of fish in Saigon river**

Saigon River is the home of 150 fish species belonging to 97 genera, 49 families and 13 orders: among which are about 6 new species discovered in science, 8 new species for the South Area, 16 new species for research location and 3 species have been already listed in Vietnam Red Book. The Cyprinid is a dominant family with 39 species belonging to 24 genera.

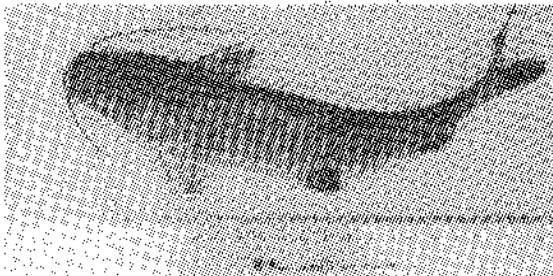
**PHỤ LỤC 1:**



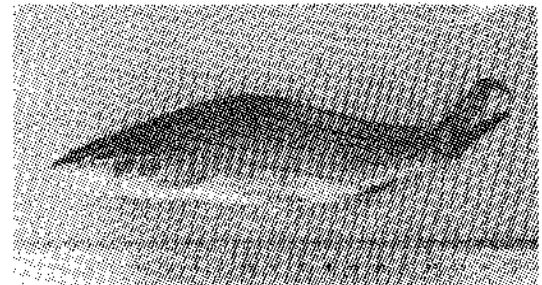
1. Cá Thát lát - *Chitala lopis*,  $L_0 = 167\text{mm}$



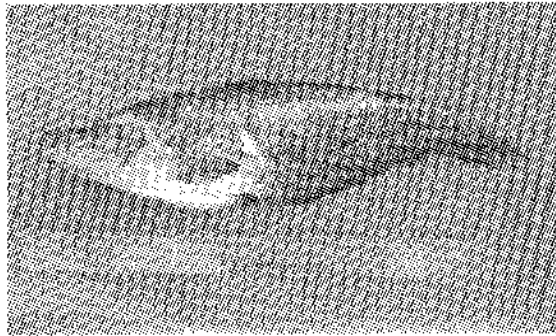
2. Cá Ngựa chấm - *Hampala dispar*,  $L_0 = 122\text{mm}$



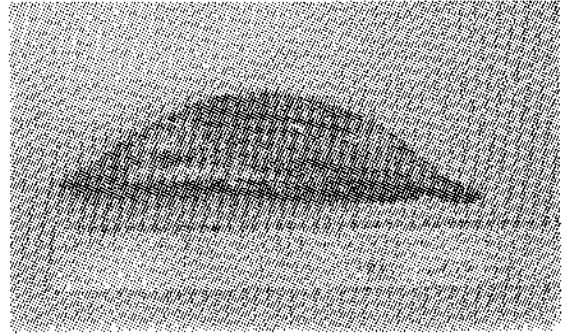
3. Cá Chốt (?) - *Mystus micracanthus*,  
 $L_0 = 115\text{mm}$



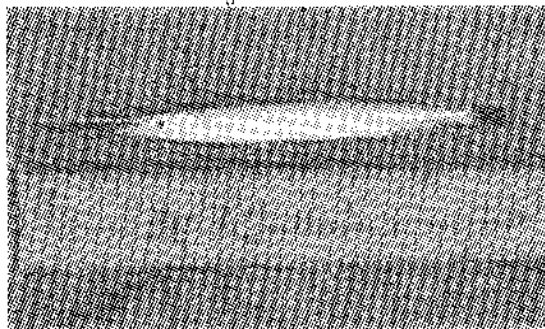
4. Cá Chốt ngựa (?) - *Mystus singaringan*,  
 $L_0 = 148\text{mm}$



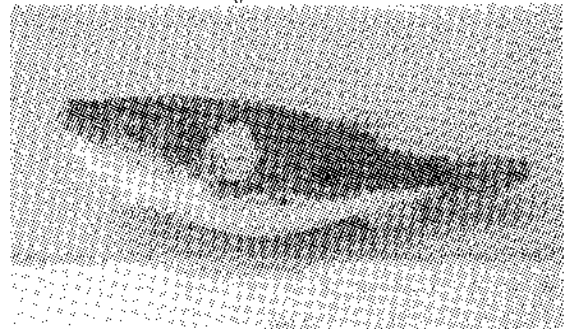
5. Cá Leo (?) - *Wallago leeri*,  
 $L_0 = 308\text{mm}$



6. Cá Trê da đen - *Clarias meladerma*,  
 $L_0 = 140\text{mm}$



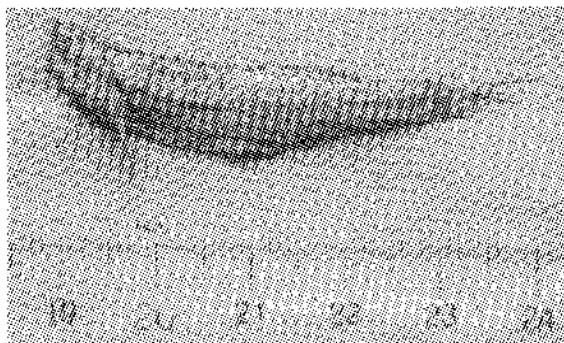
7. Cá Nhái (?) - *Xenentodon cancila*,  
 $L_0 = 135\text{mm}$



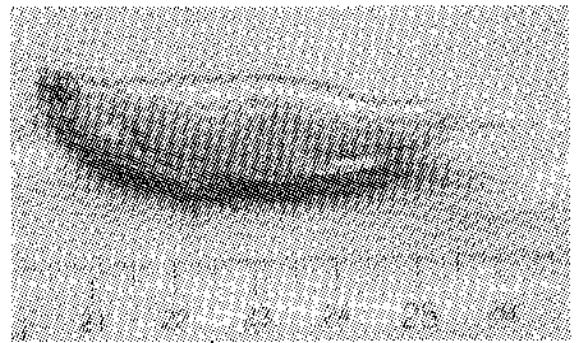
8. Cá Nóc (?) - *Tetraodon suvattii*,  
 $L_0 = 110\text{mm}$

Hình 4: 8 loài cá mới cho vùng Nam Bộ

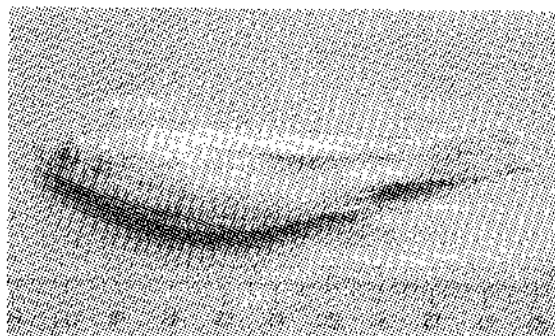
PHỤ LỤC 2:



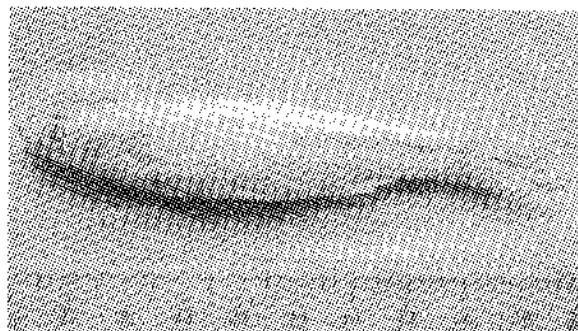
1. Cá Lòng tong sắt - *Esomus metallicus*,  
 $L_0 = 43\text{mm}$



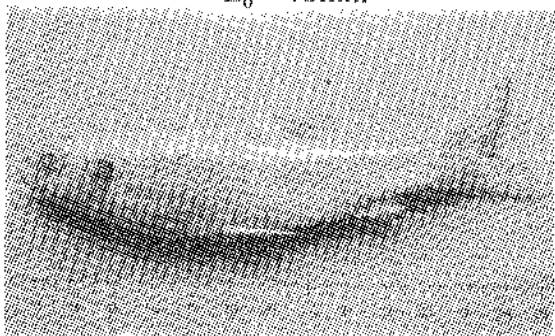
2. Cá Lòng tong gót - *Esomus longimanus*,  
 $L_0 = 52\text{mm}$



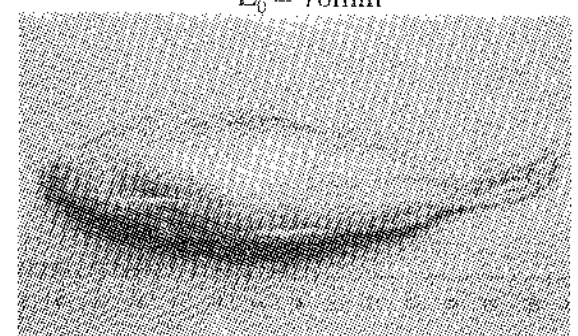
3. Cá Lòng tong sọc - *Rasbora trilineata*,  
 $L_0 = 73\text{mm}$



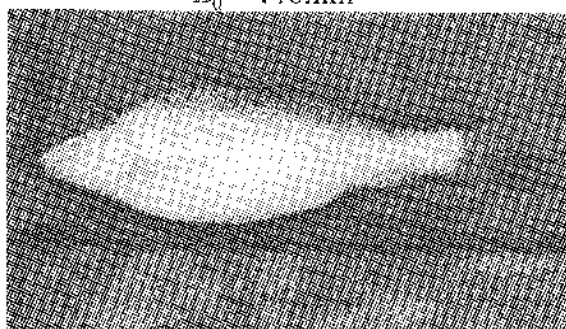
4. Cá Lòng tong lưng thấp - *Rasbora retrodorsalis*,  
 $L_0 = 78\text{mm}$



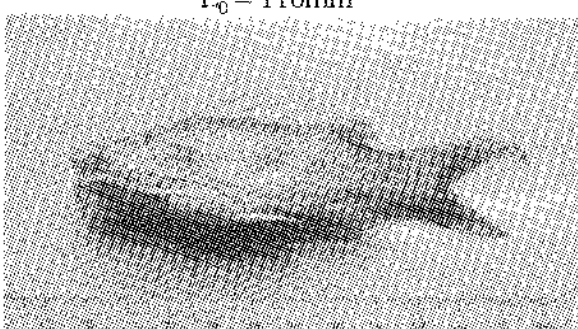
5. Cá Trời gai - *Varicorhinus sp.*,  
 $L_0 = 110\text{mm}$



6. Cá Linh rây - *Dangila cuvieri*,  
 $L_0 = 110\text{mm}$



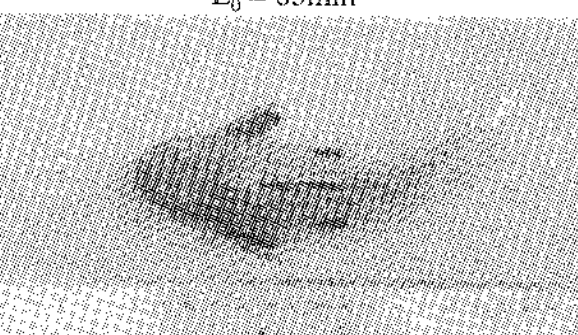
7. Cá Linh rìa - *Dangila spilopleura*,  
 $L_0 = 124\text{mm}$



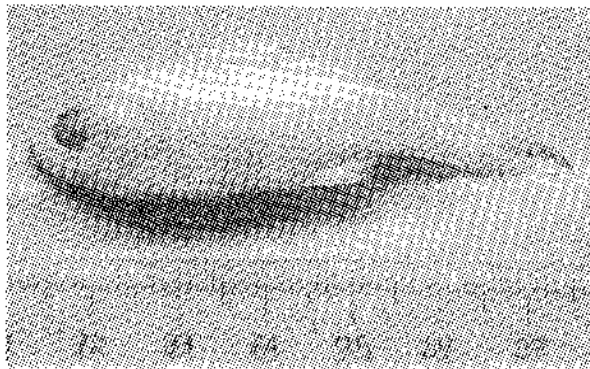
8. Cá Lăng vàng - *Mystus wolffii*,  
 $L_0 = 85\text{mm}$



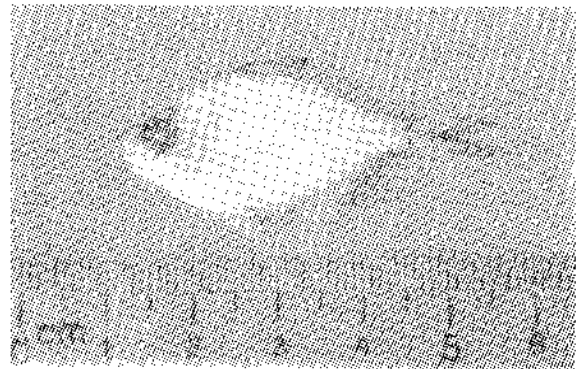
9. Cá Sắt bay - *Pteropangasius cultratus*,  
 $L_0 = 120\text{mm}$



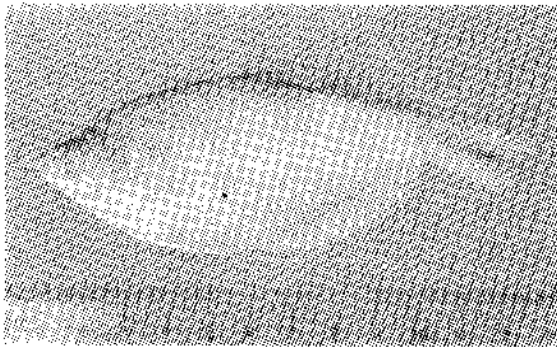
10. Cá Lau kính - *Hypostomus punctatus*,  
 $L_0 = 119\text{mm}$



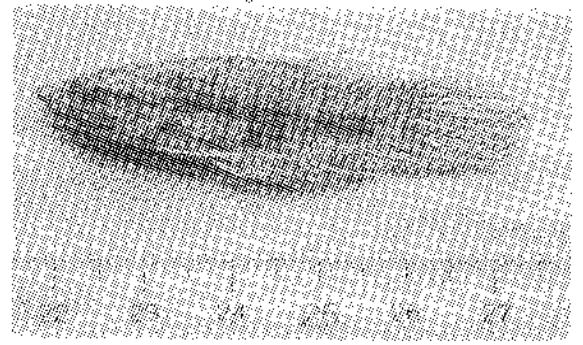
11. Cá Sơn xương - *Ambassis gymnocephalus*,  
 $L_0 = 50\text{mm}$



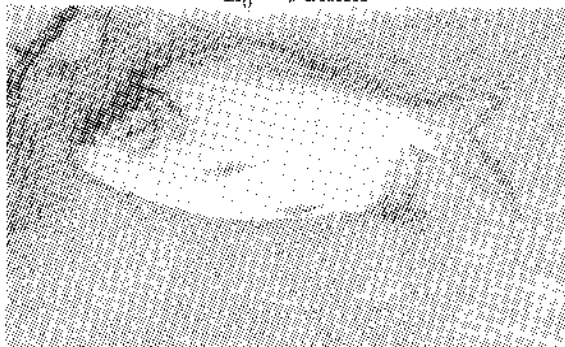
12. Cá Sơn xiêm - *Parambassis ranga*,  
 $L_0 = 35\text{mm}$



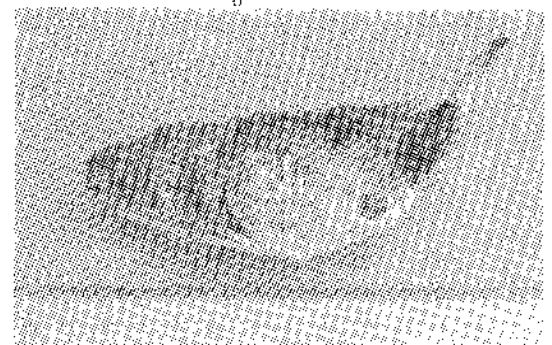
13. Cá Sặc diệp - *Trichogaster microlepis*,  
 $L_0 = 92\text{mm}$



14. Cá Thia xiêm - *Betta splendens*,  
 $L_0 = 43\text{mm}$



15. Cá Chim trắng nước ngọt - *Colnoma branchipomun*,  $L_0 = 145\text{mm}$



16. Cá Nóc phương - *Monotretus fangi*,  
 $L_0 = 98\text{mm}$

Hình 5: 16 loài cá bổ sung cho KVNC